

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST

Ngày: 24/6/2022.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nam.

Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Diêm Trọng Khoa

2. Ông Đinh Văn Duân

3. Bà Nguyễn Thị Bẩy.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1982, HKTT: Khu 3, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Chỗ ở: Thôn Ngh, xã H, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Phú (đã chết) và bà Đỗ Thị Hồng (đã chết); Chồng là Đào Anh Phương, sinh năm 1980 và có 04 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm ngày 13/2/2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại; (Có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo M:** Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Hùng Long- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Số 75, Nguyễn Huy Tưởng, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

*** Bị hại:** 1. Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1972; HKTT: Khu 4, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; HKTT: Số 240, đường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

3. Chị Lương Thị Lan A, sinh năm 1991; HKTT: Khu 2, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

4. Anh Trần Văn H, sinh năm 1991; HKTT: Thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1969; HKTT: Thôn V, xã Th, huyện Gi, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1990; HKTT: Nguyễn Trãi, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1986; HKTT: Khu Hud, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuyết M làm nghề lao động tự do. Để có tiền chi tiêu và trả nợ cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 8/2021 M đã thực hiện hành vi gian dối đối với những người thân, quen, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin với các bị hại về việc bản thân có khả năng mua được nhiều lô đất có giá rẻ tại các xã, phường tại tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Bắc Giang rồi bán lại sẽ có lãi. Để các bị hại tin tưởng, không đòi tiền M đã đặt làm giả 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 phiếu thu giả cụ thể như sau:

1. Hành vi đối với chị Nguyễn Thị Kim Ng:

Đầu năm 2018, chị Nguyễn Thị Kim Ng quen biết với Nguyễn Tuyết M. Khoảng giữa tháng 6/2018, M rủ chị Ng chung tiền mua đất rồi bán lấy tiền lãi chia nhau. Ngày 04/7/2018, chị Ng bắt đầu đưa nhiều lần tiền cho M để mua đất, vị trí lô đất, giá mỗi lô đất thì chỉ M là người đi mua nên việc M mua đất ở đâu, giá bao nhiêu chị Ng không biết. Mỗi lần chị Ng góp tiền mua đất với M từ 100.000.000đồng đến 300.000.000đồng. Mỗi lần góp vốn mua, bán đất, thời gian từ 1 tuần đến 10 ngày, M đều báo cho chị Ng số tiền lãi mỗi người được hưởng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. M đưa số tiền lãi cho chị Ng trước, còn tiền gốc M nói với chị Ng là để đầu tư mua lô khác và chị Ng đồng ý. Thời gian đầu, từ tháng 7/2018 đến tháng 10/2018, M cầm tiền của chị Ng mang đi mua đất rồi bán đất thuận lợi nên trả tiền lãi từ việc bán đất cho chị Ng đầy đủ. Sau đó M vay tiền

nhều người để mua đất và bị thua lỗ, không có tiền trả nợ. Để có tiền trả nợ cá nhân, M nói dối chị Ng là có nhiều lô đất vị trí đẹp, muốn chị Ng đưa thêm tiền cho M đi mua đất nhưng thực tế M muốn lấy tiền của chị Ng để mang đi trả nợ. Sau khi M nhận được tiền của chị Ng thì M đã mang đi trả nợ cá nhân hết, không mua, bán đất như đã nói với chị Ng. M khai cứ 10 ngày M lại nghĩ ra một khoản tiền lãi rồi báo cho chị Ng đây là tiền lãi từ việc bán đất để chị Ng tin tưởng không đòi tiền gốc đã góp với M. Quá trình chị Ng đưa tiền cho M thì hai bên không lập loại giấy tờ gì. Từ ngày 10/01/2019 đến ngày 21/6/2019, M đưa cho chị Ng tổng số tiền là 1.320.000.000đồng, đây là tiền lãi từ việc bán đất mà M tự nghĩ ra đưa cho chị Ng. Do quá trình giao nhận tiền giữa chị Ng và M không lập giấy tờ, để có căn cứ M đã nhận tiền của chị Ng thì ngày 10/7/2019, chị Ng và M đã chốt lại số tiền M cầm bằng **“Giấy vay tiền”** đề ngày 10/7/2019. Nội dung: *“Hôm nay, ngày 10/7/2019, tôi là Nguyễn Tuyết M có số CMT 125023674 cấp ngày 16/12/2014 ở tại Hoài Thượng -Thuận Thành - Bắc Ninh có vay của chị Ng số tiền là 5.300.000.000 đồng. Hẹn chị Ng ngày 10/8/2019 sẽ trả chị Ng số tiền là 1.500.000.000 đồng. Số còn lại M sẽ trả dần chị Ng trong tháng 9, 10/2019. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và với chị Ng”*. M khai viết giấy vay tiền mục đích để cam kết là M sẽ trả nợ cho chị Ng chứ không phải M vay tiền chị Ng thật. Để có thêm thời gian M trả tiền chị Ng ngày 22/10/2019, M viết tiếp **“Giấy cam kết”**, có nội dung: *“Hôm nay, ngày 22/10/2019, tôi Nguyễn Tuyết M số CMND 125023674 cấp ngày 16/12/2014 ở tại Nghĩa Vy -Thuận Thành -Bắc Ninh xin cam kết với chị Nguyễn Thị Kim Ng như sau. Ngày 25/10/2019 sẽ phải thanh toán cho chị Ng số tiền 2.600.000.000 đồng, vì đang làm thủ tục vay ngân hàng nên tôi hẹn chị đến đúng ngày trên sẽ thanh toán số tiền trên cho chị Ng. Ngày 06/11/2019, tôi sẽ thanh toán tiếp cho chị Ng số tiền là 500.000.000 đồng”* và ngày 07/12/2019, M viết **“Giấy cam kết”**, có nội dung: *“Hôm nay ngày 07/12/2019, tôi là Nguyễn Tuyết M số CMND 125023674 cấp ngày 16/12/2014 ở tại Nghĩa Vy - Hoài Thượng - Thuận Thành - Bắc Ninh cam kết như sau: ngày 10/7/2019 tôi có nhận của chị Nguyễn Thị Kim Ng số tiền 5.300.000.000 đồng với mục đích đầu tư bất động sản. Tôi xin cam kết đến ngày 10/12/2019 sẽ trả chị Ng số tiền 600.000.000đồng cùng với 01 sổ đỏ tại Võ Cường- TP Bắc Ninh có số sổ là CQ 351598, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 72 diện tích là 72m². Số còn lại hẹn chị Ng đến ngày 30/12/2019 sẽ trả chị Ng thêm 800.000.000 đồng”. Tôi xin cam kết sẽ hoàn thành đúng những gì đã cam kết trên. Nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật*. Sau một thời gian giao tiền cho M, chị Ng đã đòi tiền M nhiều lần nhưng M không có tiền trả, M tiếp tục nói dối chị Ng là M đã sử dụng số tiền của chị Ng vào việc mua đất rồi, nhưng chưa bán được. Chị Ng yêu cầu M đưa giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là sổ đỏ) của các thửa đất M đã mua cho chị Ng để chị Ng bán. Để có các sổ đỏ đưa cho chị Ng, thì M nghĩ ra việc làm giả các sổ đỏ bằng cách: M lên mạng Internet vào hội nhóm buôn bán bất động sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tìm kiếm các thông tin như: Sổ Seri Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, kèm số lô, số thửa, địa chỉ thửa đất của những người đăng thông tin bán đất. M lưu lại thông tin của 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thông tin 01 thửa đất của chính M và chồng là Đào Anh Phương, sinh năm 1980, thửa đất này đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hồ, Thuận Thành. Sau đó, M tiếp tục lên mạng Internet vào trang “Google.com” tìm kiếm người làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. M liên hệ với một người đàn ông không quen biết tên tuổi và địa chỉ nhận làm 05 sổ đỏ giả theo thông tin M cung cấp với giá 10.000.000đồng/01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (BL 676, 680). Cụ thể như sau:

- **01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 305301, sổ vào sổ cấp GCN: CS 02966 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/01/2020 đối với thửa đất số 289, tờ bản đồ số 31, diện tích 95.7 m², địa chỉ: Phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mang tên Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1982, CMND số 125023674; địa chỉ thường trú: Phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.**

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh xác định: Ngày 22/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên anh Bùi Văn Huân, sinh năm 1987 và chị Vũ Thị Thùy Dung, sinh năm 1987, địa chỉ: Khu 1, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh; số phát hành GCN: CT305301; sổ vào sổ CS02966 tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 31, diện tích 95.7 m², địa chỉ thửa đất: Phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 25/5/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên anh Hoàng Mạnh Duy, sinh năm 1990 và cùng sử dụng với anh Nguyễn Văn Long sinh năm 1990; số phát hành GCN: CT621189 và CT621190; Sổ vào sổ CS03067 và 03068 tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 31, diện tích 95.7 m², địa chỉ thửa đất: Phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (nhận chuyển nhượng của anh Bùi Văn Huân, sinh năm 1987 và chị Vũ Thị Thùy Dung, sinh năm 1987).

Anh Bùi Văn Huân và chị Vũ Thị Thùy Dung trình bày: Ngày 22/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho hai vợ chồng. Khoảng tháng 4/2020 hai vợ, chồng đã bán thửa đất này cho anh Duy và anh Long. Vợ chồng anh Huân, chị Dung không quen biết ai là Nguyễn Tuyết M.

- **01 (một)** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CT 122951**, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00989 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 11/11/2019 đối với thửa 513, tờ bản đồ 4P, diện tích 111,6 m², mang tên hộ ông Đào Văn Huê, sinh năm 1969, CMND số 125114226 và bà Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1969, CMND số 125441032 địa chỉ thường trú: Thôn Nghĩa Vy, xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (BL510).

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh xác định: Ngày 11/11/2019, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Đào Văn Huê và bà Nguyễn Thị Ngọc, địa chỉ: thôn Nghĩa Vy, xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, số phát hành GCN: CT122951: sổ vào sổ CS00989 tại thửa đất số 513, tờ bản đồ 4P, diện tích 111,6 m² địa chỉ thửa đất: thôn Nghĩa Vy, xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 22/11/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thuận Thành xác nhận biến động đất đai trên trang 3 của Giấy chứng nhận: “*Chuyển nhượng cho ông Đào Anh Phương, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1982, địa chỉ: Lê Phụng Hiểu, phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh theo hồ sơ số 05133.TC001.2019* (BL535).

Xác minh tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xác định ngày 08/5/2020 anh Đào Anh Phương, sinh năm 1980 và Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1982, HKTT: phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đăng ký hợp đồng vay KW:2020-1-02-00076 tại Phòng giao dịch Hoài Thượng thuộc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh vay số tiền 200.000.000đồng, ngày trả nợ 08/11/2020, khi vay tiền hai vợ chồng có thể chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Hồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai vợ chồng tại thửa 513, tờ bản đồ 4P, diện tích 111,6 m² nêu trên (BL541).

Đào Anh Phương (chồng M) và Nguyễn Tuyết M trình bày: Vợ chồng M mua thửa đất nêu trên, nhưng M đã tự lấy thông tin để làm sổ đỏ giả đưa cho chị Ng. Anh Phương xác định thông tin trong sổ là đúng và không biết việc M làm giả (BL 724).

- **01 (một)** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CN 848109** số vào sổ cấp GCN: CS 00905, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 26/12/2018 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 30, diện tích 80m², địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh mang tên Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1982, CMND số 125023674; địa chỉ thường trú: Phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (BL504)

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh xác định: Ngày 26/12/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1986, địa chỉ thường trú: Phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; số phát hành GCN: CN848109; số vào sổ CS00905 tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 30, diện tích 80m², địa chỉ: Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (BL535).

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị Thủy trình bày: Chị Thủy có biết Nguyễn Tuyết M làm nghề môi giới bất động sản. Khoảng tháng 11/2019, chị Thủy chụp ảnh sổ đỏ gửi vào tin nhắn cho M và nhờ M bán hộ thửa đất nêu trên và hiện tại chị Thủy đã bán lô đất cho người khác. Chị không biết việc M làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của chị (BL 546).

- **01 (một)** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CQ351598**, số vào sổ cấp GCN: CS do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 14/6/2019 đối với thửa đất số 83, tờ bản đồ số 72, diện tích 72 m², địa chỉ: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mang tên Nguyễn Văn Thảo, sinh năm 1981, CMND số 125027409 địa chỉ thường trú: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh và Nguyễn Thanh Loan, sinh năm 1985, CMND số 125171558 địa chỉ thường trú: Khu 6, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh xác định: Ngày 14/6/2019, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Văn Thảo, sinh năm 1981, địa chỉ thường trú: xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh và Nguyễn Thanh Loan, sinh năm 1985 địa chỉ thường trú: Khu 6, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; số phát hành GCN: CQ351598; số vào sổ CS08288 tại thửa đất số 83, tờ bản đồ số 72, diện tích 72m², địa chỉ: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 03/6/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Ninh xác nhận biến động đất đai trên trang 3 của Giấy chứng nhận: “*Chuyển nhượng*

cho anh Nguyễn Quyết Thắng , sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị Ái, sinh năm 1979, địa chỉ: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh theo hồ sơ số 6350, ngày 02/6/2020”.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Văn Thảo và chị Nguyễn Thanh Loan (vợ anh Thảo) trình bày: Anh Thảo, chị Loan có biết Nguyễn Tuyết M làm nghề môi giới bất động sản. Chị Loan có chụp ảnh 04 mặt của sổ đỏ gửi cho M nhờ bán hộ và không biết việc M đã làm giả sổ đỏ này. Tháng 6/2020, anh Thảo và chị Loan đã bán cho anh Nguyễn Quyết Thắng và chị Nguyễn Thị Ái.

- **01(một)** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CN 835685**, sổ vào sổ cấp GCN: CS do Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh cấp ngày 26/8/2019 đối với thửa đất số 417, tờ bản đồ số 90, diện tích 80,3 m², địa chỉ: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mang tên Nguyễn Hữu Tuấn, sinh năm 1988, địa chỉ thường trú: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Ninh xác định: Ngày 21/12/2018, UBND thành phố Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên anh Nguyễn Văn Chung sinh năm 1965, địa chỉ: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, số phát hành GNC: CN835685 tại thửa đất số 417, tờ bản đồ số 90, diện tích 80,3 m², địa chỉ: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 16/5/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Ninh xác nhận trên trang 3 Giấy chứng nhận: “Chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đình Hải sinh năm 1963 và chị Phạm Thị Tuyến sinh năm 1966, địa chỉ: Ngãm Lương, Lãng Ngâm, Gia Bình, Bắc Ninh theo hồ sơ số 4603, ngày 13/5/2019”.

Ngày 14/6/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Ninh xác nhận biến động đất đai trên trang 3 Giấy chứng nhận: “Chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đức Hải sinh năm 1975 và chị Trương Thị Hồng Hạnh sinh năm 1978, địa chỉ: phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo hồ sơ số 4769 ngày 13/6/2019”.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Văn Chung, anh Nguyễn Đình Hải, chị Phạm Thị Tuyến, anh Nguyễn Đức Hải và chị Trương Thị Hồng Hạnh đều trình bày không quen biết ai là Nguyễn Tuyết M. Quá trình bán đất chị Tuyến có chụp ảnh sổ đỏ đăng lên trang bán đấu giá để nhờ văn phòng bất động sản tại thành phố Bắc Ninh bán hộ đất nhưng nay chị Tuyến không nhớ là đã nhờ văn phòng nào.

Quá trình điều tra M thừa nhận đặt làm giả các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Sau đó nhận được

các sổ đỏ giả nêu trên bằng hình thức chuyển phát nhanh trả tiền bằng hình thức chuyển khoản và trả tiền vận chuyển.

Ngày 01/01/2020, M giao **01** sổ đỏ cho chị Ng và viết “**Giấy xác nhận**”, có nội dung: “Ngày 01/01/2020, tôi Nguyễn Tuyết M có CMND125023674 cấp ngày 16/12/2014 có xác nhận đưa cho chị Nguyễn Thị Kim Ng khu 4-Niềm Xá sổ đỏ lô đất số 83, tờ bản đồ số 72 phường Võ Cường - TP Bắc Ninh, DT 72m² mang tên Nguyễn Tuyết M + Đào Anh Phương”.

Sau đó, M giao thêm **04** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả (gồm các số CN848109, CN835685, CT305301 và CT122951) cho chị Ng. Trước ngày 30/5/2020, M trả được cho chị Ng 390.000.000đồng. Ngày 30/5/2020, M và chị Ng cùng nhau thống nhất chốt lại số tiền M cần phải trả cho chị Ng là **4.910.000.000** đồng và hẹn đến ngày 31/8/2020, M sẽ trả hết tiền cho chị Ng, M không trả được.

Chị Ng trình bày: Trong số tiền 4.910.000.000đồng, chị Ng khẳng định có 352.000.000 đồng là tiền M báo là tiền lãi từ việc góp vốn mua chung các lô đất, còn **4.558.000.000** đồng là tiền gốc chị Ng đưa cho M. Các lần chị Ng đưa tiền cho M đều chốt số tiền gốc nhưng nay chị Ng không nhớ được cụ thể các lần đưa tiền cho M vào ngày, tháng, năm nào, mỗi lần đưa là bao nhiêu tiền. Tại thời điểm chị Ng đưa tiền cho M để góp vốn thì không có giấy tờ gì, có những lô đất thì lấy luôn tiền gốc cộng với tiền lãi mà M báo để đầu tư tiếp lô khác, chỉ sau khi không thấy M trả tiền thì chị Ng mới yêu cầu viết giấy, ngoài ra trong ngày 04/6/2020 M viết một “Giấy trả tiền” và “Giấy nhận cọc” M không thực hiện việc trả nợ, thực chất đây chỉ là hình thức dẫn nợ của M.

Bị cáo M trình bày: Trong số tiền 4.910.000.000 đồng, M khẳng định chỉ có **2.500.000.000** đồng là tiền gốc, còn lại 2.410.000.000 đồng là tiền lãi. Số tiền lãi là do M tự nghĩ ra và báo miệng với chị Ng, thực tế không có số tiền lãi này.

Ngày 24/9/2020, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định trưng cầu giám định số 74/PC02, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh giám định 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT305301, CT122951, CN848109, CN835685, CQ351598 M giao cho chị Ng, chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tuyết M tại 01 Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ đề ngày 30/5/2020 gồm 02 mặt, có chữ ký ghi “Nguyễn Tuyết M” và “Nguyễn Thị Kim Ng”; 01 Giấy vay tiền đề ngày 15/7/2020 gồm 01 trang, có chữ ký ghi “Nguyễn Tuyết M” tại cuối trang và 01 Giấy nhận tiền đề ngày 25/7/2020 gồm 01 trang, có chữ ký ghi “Nguyễn Tuyết M” và “Nguyễn Thị L” tại cuối trang.

Ngày 29/9/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh ra Kết luận giám định số 129/KLGĐTL-PC09 kết luận: 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) là giả; Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Tuyết M trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A6, A7, A8) so với chữ ký của Nguyễn Tuyết M trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký, viết ra.

Nguyễn Tuyết M đã có hành vi gian dối ngay từ đầu bằng việc M nói dối chị Ng về việc bản thân có khả năng mua được nhiều lô đất có giá tốt, tại các địa bàn trong tỉnh Bắc Ninh rồi bán lại sẽ có lãi ngay. M rủ chị Ng góp tiền vốn với M để mua chung đất. Chị Ng tin tưởng lời M nói là thật, nên từ 04/7/2018 đến ngày 10/7/2019, chị Ng đã giao cho M tổng số tiền là 4.558.000.000 đồng. Sau khi M nhận được tiền của chị Ng thì M chi tiêu cá nhân hết không mua đất như đã hứa. M cũng thường xuyên nghĩ ra một khoản tiền lãi từ việc bán đất rồi đưa cho chị Ng, với mục đích để chị Ng không đòi tiền gốc mà tiếp tục đưa tiền cho M. Cuối năm 2019, khi bị chị Ng đòi tiền nhiều thì M đã vào mạng Internet đặt mua 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm mục đích đưa cho chị Ng để che giấu hành vi lừa đảo trước đó.

2. Hành vi dối với chị Nguyễn Thị L:

Năm 2018, chị Nguyễn Thị L quen với Nguyễn Tuyết M. Khoảng tháng 7/2020. Do M nợ tiền của nhiều người để có tiền trả nợ M đã liên lạc với chị L và đưa ra thông tin không có thật với chị L là M đang mua đất ở xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. M rủ chị L góp vốn mua đất chung, mua xong rồi bán có lãi ngay và sẽ chia nhau tiền lãi. Chị L tin lời M nói là thật nên đã đến Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Ninh nộp tiền mặt trực tiếp vào tài khoản số 42310001058444 của Nguyễn Tuyết M 04 lần tiền cụ thể: Ngày 15/7/2020, chị L chuyển cho M số tiền 100.000.000 đồng, với nội dung “*Nguyen Thi Lua Chuyen Coc Mua Dat Chung Gia Dong Thuan Thanh Bac Ninh*”. Ngày 16/7/2020, chị L chuyển cho M số tiền 50.000.000 đồng, với nội dung “*Nguyen Thi Lua Chuyen Coc Mua Dat Chung Gia Dong Thuan Thanh Bac Ninh*”. Ngày 17/7/2020, chị L chuyển cho M số tiền 30.000.000đồng, với nội dung “*Nguyen Thi Lua Chuyen Coc Mua Chung Lo Dat So 656 To Ban Do 33 87.8M Van Duong TP Bac Ninh*” và ngày 21/7/2020, chị L chuyển cho M số tiền 55.000.000 đồng, với nội dung “*Nguyen Thi Lua Chuyen Tien Coc Chung Lo Dat Son Trung*” (BL192, 193, 565, 566, 567). Tổng số **235.000.000** đồng chị L đã chuyển cho M. Sau khi có số tiền này M sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết, không sử dụng vào việc mua lô đất nào như đã nói với chị L. Để chị L tin tưởng và không đòi tiền gốc đã góp vốn với M thì M đã nghĩ ra tổng số tiền lãi từ

việc bán các lô đất mà chị L được hưởng là 175.000.000 đồng. M không có tiền để trả cho chị L nên M lại tiếp tục nói dối chị L là M đã mua thửa đất CL02-37, địa chỉ: Tụ Thôn, Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh mang tên Trần Quốc Trinh và Hoàng Thị Thành giá 820.000.000 đồng, hồ sơ đất M đang gửi tại Văn phòng công chứng M Phương. M nói với chị L mỗi người góp $\frac{1}{2}$ tiền lô đất này, nhưng thực tế không có việc mua bán. Như vậy mỗi người phải góp số tiền 410.000.000 đồng (*trong đó có 235.000.000 đồng chị L chuyển khoản góp mua đất và 175.000.000 đồng là tiền M báo lãi từ việc bán đất*) góp vào mua thửa đất nêu trên với mục đích để chị L không đòi tiền M. Chị L tin lời M là thật nên đồng ý, ngày 25/7/2020, M viết Giấy biên nhận giao cho chị L. Đến nay M không có tiền để trả cho chị L.

Xác minh tại Văn phòng công chứng M Phương, địa chỉ tại số 265, đường Hàn Thuyên, thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xác định: Nguyễn Tuyết M không gửi hồ sơ thửa đất CL02-37, địa chỉ: Tụ Thôn, Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh mang tên Trần Quốc Trinh và Hoàng Thị Thành cho Văn phòng công chứng M Phương.

Nguồn gốc thửa đất trên quá trình điều tra xác định là của ông Phạm Văn Trung, sinh năm 1943 ở Tụ Thôn, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh. Năm 2017 nhà nước có chính sách thu hồi đất ruộng và cấp đất dân cư dịch vụ cho những hộ dân bị thu hồi đất sau đó ông Trung có ghép lô với anh Trần Quốc Trinh, sinh năm 1974 cùng vợ là chị Hoàng Thị Thành, sinh năm 1982, HKTT: Tụ Thôn, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh được 01 thửa đất CL02-37, địa chỉ: Tụ Thôn, Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh. UBND phường Nam Sơn xác định: hiện tại hồ sơ thửa đất CL02-37, địa chỉ: Tụ Thôn, Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh mang tên vợ chồng anh Trinh, chị Thành. Thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông Trung, anh Trinh, chị Thành đã bán hồ sơ thửa đất trên cho anh Trần Văn Đam, sinh năm 1976, HKTT: Tụ Thôn, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh với giá 700.000.000 đồng. Ông Trung, anh Trinh, chị Thành không quen biết Nguyễn Tuyết M. Sau khi mua đất của ông Trung, anh Trinh, chị Thành thì vài ngày sau thấy có lãi nên anh Đam đã bán. Do thời gian đã lâu nên anh Đam không nhớ bán cho ai.

Ngày 17/7/2020, chị L chuyển cho M số tiền 30.000.000 đồng, với nội dung “*Nguyễn Thị Lua Chuyen Coc Mua Chung Lo Dat So 656 To Ban Do 33 87.8M Van Duong TP Bac Ninh*”, sau đó M chiếm đoạt số tiền này. Quá trình điều tra xác định lô đất này là của anh Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1978, chị Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1981, HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, anh Mạnh trình bày: Ngày 19/6/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 656, tờ bản đồ số 33, địa chỉ: phường Vân Dương, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh diện tích: 87,8 m². Anh Mạnh không quen biết Nguyễn Tuyết M, đến ngày 18/2/2021, anh Mạnh bán thửa đất nêu trên cho anh Tạ Đăng Thông, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị Sang, sinh năm 1987 ở thôn Gia Phú, xã Bình Dương, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Hành vi của Nguyễn Tuyết M đã gian dối với chị L về việc bản thân đang mua một số lô đất, chỉ cần đặt cọc rồi bán lại là có lãi ngay. M rủ chị L góp 235.000.000 đồng cho M để đặt cọc, mua chung đất. Chị L tin tưởng lời M nói là thật nên từ ngày 15/7/2020, đến ngày 21/7/2020, M đã chiếm đoạt của chị L tổng số tiền là **235.000.000** đồng.

3. Hành vi làm giả 02 phiếu thu và đối với chị Lương Thị Lan A:

3.1. Hành vi làm giả 02 phiếu thu của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Anh Phú (viết tắt Công ty Anh Phú) địa chỉ số nhà 244, KĐT Châu Cau, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình điều tra xác định ngày 29/5/2017, Nguyễn Tuyết M đăng ký mua căn chung cư số 2, tầng 5, tòa 4, chung cư Thanh Bình của Công ty Anh Phú. M đã đặt cọc số tiền 100.000.000 đồng cho Công ty Anh Phú và nhận được phiếu thu, sau đó M đã chụp ảnh lại phiếu thu. Do không có tiền nộp để mua, M đã làm đơn đề nghị xin lại số tiền đặt cọc từ Công ty Anh Phú. Ngày 29/12/2018 Công ty Anh Phú đã trả lại M số tiền 100.000.000 đồng. M khai đầu tháng 01/2020, do bị nhiều người đòi nợ, M không có tiền trả thì chủ nợ có yêu cầu M thế chấp tài sản nên M đã nghĩ đến việc làm giả phiếu thu tiền khi mua chung cư Thanh Bình. Sau đó, M tìm hiểu trên mạng Internet xem có ai làm giả giấy tờ thì kết bạn Zalo với người có tài khoản tên “Smile” có khả năng làm giả giấy tờ này. M gửi mẫu ảnh phiếu thu mà M đã chụp ảnh trước đó cho “Smile” và bảo người này làm cho 02 phiếu thu tiền mua căn hộ của chung cư Thanh Bình, trong đó 01 phiếu thu có nội dung như phiếu thu mà M đã chụp ảnh trước đó, 01 phiếu thu với nội dung đặt cọc tiền đợt 1+2 với số tiền 288.069.000 đồng để mua căn hộ số 8, tầng 7, tòa CT2. Phần chữ ký người nộp tiền thì M bảo “Smile” để trống, sau M ký. M thống nhất với “Smile” làm giả 02 phiếu thu này với giá 5.000.000 đồng. Ngày **02/01/2020**, M đã chuyển khoản từ số tài khoản 25610000313331 (Ngân hàng BIDV chi nhánh Kinh Bắc) của M vào số tài khoản 0911000056603 (Ngân hàng Vietcombank) mang tên Nguyễn M Thông số tiền 1.000.000 đồng để đặt cọc làm giả 02 phiếu thu trên. Vài ngày sau, M nhận được tin nhắn của “Smile” nói đã làm xong 02 phiếu thu tiền giả và sẽ chuyển phát nhanh về cho M. “Smile” có bảo M khi nào nhận được 02 phiếu

thu thì chuyển nốt số tiền còn lại vào tài khoản và chuyển cho người đưa hàng. Sau đó M đã nhận được 02 phiếu thu tiền giả. Bản thân M không biết người có tài khoản Zalo là “Smile” và Nguyễn M Thông là ai, ở đâu. Chính M cũng cung cấp thông tin của 05 sổ đỏ giả mà M giao cho chị Ng để “Smile” làm giả 05 sổ đỏ với giá 10.000.000đồng/1 sổ. M đã chuyển khoản vào các ngày 02/01/2020, 03/01/2020, 07/01/2020, 09/01/2020, 10/01/2020 và ngày 16/02/2020 số tiền 31.000.000đồng vào tài khoản của Nguyễn M Thông, số tiền còn lại M chuyển trả cho người sếp hàng không biết tên tuổi và địa chỉ.

Ngày 25/02/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã ủy thác cho Cơ quan CSĐT Công an quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí M tiến hành xác M đối tượng: Nguyễn M Thông, sinh năm 1998, HKTT: K18, Trung tâm thương mại Hạnh Thông Tây, Quang Trung, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí M là người đứng tên tài khoản 0911000056603, Ngân hàng Vietcombank mà M chuyển tiền để làm 02 phiếu thu giả.

Quá trình điều tra Nguyễn M Thông trình bày: Năm 2017, Thông quen một người bạn tên Khánh nhưng ít chơi với nhau nên Thông không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ nhà và số điện thoại của Khánh. Tháng 5/2019, Khánh nhờ Thông đến Ngân hàng Vietcombank mở tài khoản ngân hàng để Khánh chuyển tiền và Thông đồng ý. Sau đó, Khánh và Thông mở sổ tài khoản 0911000056603 nhưng sử dụng số điện thoại của Khánh đăng ký chuyển tiền. Thông không biết mục đích Khánh nhờ Thông mở sổ tài khoản để làm gì, sau khi mở tài khoản xong thì Khánh là người sử dụng, Thông không sử dụng và không biết việc Khánh dùng vào việc phạm tội. Khánh hiện ở đâu và làm gì Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh chưa tiến hành xác M được.

3.2. Hành vi M nhận tiền của chị Lương Thị Lan A rồi giao 02 phiếu thu giả:

Khoảng tháng 9/2019, Nguyễn Tuyết M vay và nợ nhiều tiền, không có tiền để trả nợ. Cùng thời gian này, M quen chị Lương Thị Lan A khi cùng đi đấu giá đất. Khoảng tháng 11/2019 và đầu năm 2020, M nói dối chị Lan A là ở huyện Gia Bình, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đang đấu giá đất và rủ chị Lan A góp tiền để làm hồ sơ đấu giá đất. Chị Lan A đồng ý. Sau đó, chị Lan A đã nhiều lần chuyển tiền từ sổ tài khoản 43210000677749 của chị Lan A vào 02 sổ tài khoản 43210001058444 và 25610000313331 của M. Việc đấu giá đất ở đâu, bao nhiêu tiền là do M quyết định, M không nói cho chị Lan A biết. Mỗi lần chị Lan A chuyển tiền để chung với M đấu giá đất thì M đều mang đi trả nợ cá nhân hết. Để chị Lan A không nghi ngờ và tiếp tục chuyển tiền cho M thì M đã tự nghĩ ra khoản

tiền lãi rồi báo cho chị Lan A. Để chị Lan A tin tưởng thì M có chuyển khoản tiền từ việc bán đất lại cho chị Lan A, có lần M dùng luôn số tiền mà chị Lan A chuyển cho M và nói dối đây là tiền lãi từ việc bán đất và chuyển lại cho chị Lan A. Tổng số tiền chị Lan A chuyển qua tài khoản cho M là **1.270.000.000** đồng và số tiền M chuyển cho chị Lan A là **620.000.000** đồng. Ngoài việc, chuyển tiền qua tài khoản, chị Lan A trực tiếp đưa cho M khoảng **1.082.500.000** đồng. Trước ngày 07/01/2020, M và chị Lan A chốt lại số tiền M chưa trả cho chị Lan A là 777.000.000 đồng, trong đó có **600.000.000** đồng là tiền gốc (đây cũng là tiền chị Lan A góp với M để M đi mua đất), còn tiền lãi M tự báo là 177.000.000 đồng.

Ngày 19/6/2020, chị Lan A cùng M chốt lại với nhau bằng “Giấy nhận vay tiền” thể hiện nội dung M vay của chị Lan A số tiền **4.920.000.000** đồng. Thời gian vay là 02 tháng. Đây là số tiền cộng dồn cả lãi và gốc từ các lần chị Lan A đưa tiền cho M, thực tế hai bên không có việc chị Lan A cho M vay tiền.

Ngày 22/9/2021, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tuyết M tại “Giấy vay tiền” đề ngày 19/6/2020 và “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 27/3/2020.

Ngày 01/10/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh có Kết luận giám định số 137/KLGĐTL-PC09 kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Tuyết M trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ viết của Nguyễn Tuyết M trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M4) do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra chị Lan A trình bày, khi M rủ chị Lan A góp vốn đầu tư đầu giá đất, lợi nhuận có được sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn thì chị Lan A đồng ý. Sau đó, chị Lan A rủ chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1990, HKTT: Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đầu tư chung vốn cùng chị Lan A thì chị Nh đồng ý. Chị Nh không trực tiếp làm việc với M mà đều đầu tư tiền qua chị Lan A. Trong các lần chị Lan A chuyển tiền góp vốn cho M thì có **800.000.000** đồng là tiền của chị Nh góp vốn với chị Lan A (*chị Nh đưa cho chị Lan A 04 lần tiền, mỗi lần là 200.000.000 đồng mà không viết giấy tờ gì*). Đến khoảng đầu tháng 5/2020, chị Nh hỏi chị Lan A về tình hình làm ăn thế nào thì chị Lan A có nói đầu giá có lãi nhưng chưa rút được tiền về và bảo chị Nh được lãi 42.000.000 đồng, số tiền này cộng vào tiền gốc để đầu giá đất tiếp. Khoảng tháng 6/2020, chị Lan A bảo chị Nh đưa thêm tiền để góp vốn với M nhưng chị Nh không đồng ý. Sau đó, chị Lan A có vay của chị Nh 50.000.000 đồng để đưa cho M.

Do thấy việc góp vốn không rõ ràng nên chị Nh có yêu cầu chị Lan A rút vốn của M không làm ăn nữa. Lúc này, chị Lan A có bảo M lo tiền để trả cho chị Nh. Đến khoảng cuối tháng 6/2020, M không lo được số tiền 800.000.000 đồng để trả cho chị Nh nên chị Lan A có bảo M xem có tài sản gì thì thế chấp cho chị Nh để chị Nh đỡ đòi tiền chị Lan A, thì M nói với chị Lan A có 02 căn chung cư Thanh Bình mà M mới đặt cọc tiền chưa thanh toán hết. Chị Lan A bảo M đưa 02 phiếu thu tiền cho chị Lan A để đưa cho chị Nh. Sau đó, M đã ký tên vào phần người nộp tiền của 02 phiếu thu tiền đã làm giả trước đó đưa cho chị Lan A để đưa lại cho chị Nh.

Đến ngày 07/7/2020, chị Nh hẹn M và chị Lan A để nói chuyện tại quán cà phê Climax trên địa bàn phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh. Tại đây, chị Nh bảo M viết giấy biên nhận đặt cọc tiền mua 02 căn hộ chung cư trên của M, với số tiền là 350.000.000 đồng. Đến ngày 14/7/2020, chị Nh hẹn gặp M và chị Lan A đến quán nước tại công viên Nguyễn Phi Yến để nói chuyện. Tại đây, chị Nh tính tổng số tiền M phải trả cho chị Nh là 892.000.000 đồng. Tuy nhiên, 02 phiếu thu mà M đã đặt cọc tiền là 388.069.000 đồng nên chị Nh đề nghị M làm thủ sang tên 02 căn chung cư trên cho chị Nh, phần tiền còn thiếu chị Nh sẽ nộp cho chủ đầu tư. Do M vẫn còn thiếu chị Nh số tiền 500.000.000 đồng nên chị Nh yêu cầu M phải làm thủ tục sang tên cho chị Nh 01 miếng đất nữa, giá trị chênh lệch chị Nh sẽ trả cho M. Lúc này, M có cho chị Nh và chị Lan A xem 01 hồ sơ lô đất dân cư dịch vụ (bản phô tô) của hộ gia đình anh Nguyễn Văn Phụ, sinh năm 1963 và chị Nguyễn Thị Di, sinh năm 1961, địa chỉ xóm Chiến, thôn Đại Vy, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. M nói lô đất này là của M có giá trị khoảng 840.000.000 đồng. Thấy vậy, chị Nh có bảo M sang tên lô đất này cho chị Nh và chị Nh yêu cầu M viết giấy biên nhận tiền của chị Nh số tiền 892.000.000 đồng để mua 02 căn chung cư Thanh Bình và 01 lô đất dân cư dịch vụ ở thôn Đại Vy, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du. Chị Nh đã yêu cầu M làm thủ tục sang tên 02 căn chung cư và 01 lô đất trên cho chị Nh nhưng M khát hẹn không trả tiền và cũng không làm thủ tục sang tên cho chị Nh. Đến ngày 31/7/2020, chị Nh đến Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Anh Phú hỏi về hai phiếu thu tiền đặt cọc mà M đưa cho thì được đại diện Công ty cho biết 02 phiếu thu này là giả. Sau đó, chị Nh và chị Lan A đã đến Công an thành phố Bắc Ninh trình báo sự việc và giao nộp 02 phiếu thu trên.

Ngày 03/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 374, trưng cầu phòng Kỹ thuật hình

sự Công an tỉnh Bắc Ninh giám định tài liệu (02 phiếu thu tiền đặt cọc mua chung cư Thanh Bình mà chị Nh giao nộp cho cơ quan điều tra).

Ngày 02/12/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Bản kết luận giám định số 122/KLGĐTL-PC09 kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Anh Phú” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký dưới mục “Giám đốc” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1,A2) so với chữ ký của Nguyễn Văn Thắng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “Kế toán trưởng” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Phạm Thị Loan trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “Thủ quỹ” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Nguyễn Quỳnh Nga trên tài liệu mẫu cần so sánh (ký hiệu M4) không phải do một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục “Người nộp tiền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký của Nguyễn Tuyết M trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5, M6, M8, M9) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký tại vị trí bên phải dấu tròn trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của Nguyễn Thu Hậu trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M7) không phải do cùng một người ký ra.

Chị Lương Thị Lan A trình bày: Trong số tiền 4.920.000.000 đồng mà chị Lan A với M chốt với nhau thì số tiền gốc chị Lan A đưa cho M là **4.451.300.000** đồng, còn 468.700.000 đồng là tiền lãi từ việc bán đất M báo cho chị Lan A .

Nguyễn Tuyết M trình bày: Trong số tiền 4.920.000.000 đồng mà chị Lan A và M chốt với nhau chỉ có **1.895.000.000** đồng tiền gốc mà M còn nợ, còn lại **3.025.000.000** đồng là tiền lãi M báo không cho chị Lan A (BL712).

Xác minh tại Công ty Anh Phú về 02 phiếu thu mà M giao cho chị Lan A thì Công ty Anh Phú xác định: Ngày 29/5/2017, M có nộp số tiền 100.000.000 đồng để đặt mua căn hộ số 2, tầng 5, tòa 4 chung cư Thanh Bình. Tuy nhiên ngày 29/12/2018, M đã làm thủ tục xin rút cọc số tiền 100.000.000 đồng và Công ty Anh Phú đã trả lại cho M số tiền trên. Đối với căn hộ số 08, tầng 7, tòa CT2, thuộc dự án nhà ở xã hội đường Nguyễn Cao, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, Công ty Anh Phú đã bán cho chị Nguyễn Phương Thảo, địa chỉ: thôn Mao Dộc, xã

Phượng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 20/4/2020 chứ không bán cho Nguyễn Tuyết M.

Quá trình điều tra xác minh về hồ sơ đất dân cư dịch vụ (bản phô tô) ở xóm Chiền, thôn Đại Vi, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh của hộ gia đình anh Nguyễn Văn Phụ và chị Nguyễn Thị Di mà M đưa cho chị Nh và chị Lan A xem thì xác định: Năm 2018, hộ gia đình anh Nguyễn Văn Phụ và chị Nguyễn Thị Di có bộ hồ sơ lô đất dân cư dịch vụ ở thôn Đại Vi nhưng đã chuyển nhượng lại cho chị Hà Thị Lê Chung, sinh năm 1979, HKTT: Khu 5, Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tháng 10/2019, M nói với chị Chung là quen chính quyền địa phương và chị Chung có chụp ảnh hồ sơ lô đất để gửi qua Zalo cho M, nhờ M xin chính quyền địa phương cho bóc được lô đất đẹp. Sau đó, M đã in hồ sơ đất để cho chị Nh và Lan Anh xem và nói đã mua lô đất trên. Chị Chung xác định không bán đất và cũng không nhờ M bán đất giúp chị.

Hành vi của Nguyễn Tuyết M đã có hành vi gian dối đối với chị Lan A về việc bản thân có khả năng đặt cọc mua nhiều lô đất có giá rẻ, rồi bán lại ngay sẽ có lãi. M rủ chị Lan A góp vốn với M để mua chung đất. Chị Lan A tin lời M nói là thật nên từ tháng 11/2019 đến tháng 6/2020, chị Lan A đã giao cho M tổng số tiền là **4.451.300.000** đồng. Trong đó có 800.000.000 đồng là tiền của chị Nh tham gia góp vốn với chị Lan A. Sau khi M nhận được tiền của chị Lan A thì M chi tiêu cá nhân hết, không mua đất như đã hứa. M cũng thường xuyên nghĩ ra một khoản tiền lãi từ việc bán đất rồi đưa cho chị Lan A, với mục đích để chị Lan A không đòi tiền gốc mà tiếp tục đưa tiền cho M. Cuối năm 2019, M đã làm giả 02 phiếu thu của Công ty Anh Phú, khi bị chị Lan A đòi nhiều lần tiền thì M đã đưa cho chị Lan A 02 phiếu thu giả nhằm mục đích kéo dài thời gian phải trả tiền cho chị Lan A.

4. Hành vi đối với anh Trần Văn H:

Cuối năm 2019 do bị nhiều người đòi nợ tiền, để có tiền trả nợ, M đã nói dối và rủ anh H cùng góp vốn đấu giá đất ở xã Việt Tiến, xã Bích Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang lợi nhuận sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn. Anh H tin lời M nói là thật và đồng ý. Ngày 21/01/2020, anh H đưa cho M hai lần tiền, lần 1 là 140.000.000 đồng, lần 2 là 50.000.000 đồng để đi đấu giá đất. Sau khi nhận tiền của anh H thì M sử dụng vào mục đích cá nhân hết, không mang đi đấu giá đất như M đã hứa. Khoảng 01 tuần sau, M tự nghĩ ra số tiền lãi từ việc đi đấu giá đất mà anh H được hưởng là 60.000.000 đồng. M tiếp tục nói với anh H là sẽ mang tiền gốc, tiền lãi nêu trên đi đấu giá đất tiếp. M bảo anh H chuyển thêm tiền cho M để M đi đấu giá thêm các lô đất khác. Anh H tin tưởng M nên đã chuyển từ tài khoản của mình số 19023851951025 mở tại Ngân hàng TMCP kỹ thương chi nhánh Bắc

Ninh và trên Bảng sao kê số tài khoản 44310000319856 của anh H mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh vào số tài khoản 25610000313331 mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh cho M tổng số tiền là 59.000.000 đồng (cụ thể ngày 06/01/2020 là 30.000.000 đồng, ngày 07/01/2020 là 20.000.000 đồng). Mỗi lần đi đấu giá đất thì M đều báo lãi là từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Đến ngày 21/01/2020, M chuyển khoản cho anh H được 17.000.000 đồng (đây là M trả tiền lãi từ việc bán đất) và hai bên đã chốt lại số tiền mà anh H đưa cho M cả gốc và lãi là 339.000.000 đồng. Trong đó có 249.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000 đồng tiền lãi. Việc chốt số tiền 339.000.000 đồng bằng “*Biên bản thỏa thuận góp vốn*” đề ngày 21/01/2020 thể hiện Nguyễn Tuyết M nhận của anh Trần Văn H 339.000.000 đồng, mục đích góp vốn là mua đất chung. Thời hạn góp vốn đến ngày 25/02/2020 sẽ chia lợi nhuận theo thỏa thuận. Bản gốc anh H đã xé đi.

Sau đó, đến cuối tháng 01/2020 và đầu tháng 02/2020, M tiếp tục nói với anh H là có nhiều lô đất, đầu tư sẽ sinh lời muốn anh H góp tiền vốn chung. Anh H đưa nhiều lần tiền mặt cho M với tổng số tiền là 155.000.000 đồng, lần thì 45.000.000; lần 20.000.000 đồng; lần 90.000.000 đồng và M cũng có chuyển khoản tiền lại cho anh H 42.000.000 đồng và đưa tiền mặt là 100.000.000 đồng. Số tiền M giao lại cho anh H gồm cả gốc và lãi, trong tổng số 142.000.000 đồng thì cụ thể gốc bao nhiêu, lãi bao nhiêu thì hai người không nhớ. Đến ngày 27/3/2020, M và anh H chốt với nhau bằng 01 “*Hợp đồng cho cá nhân vay tiền*” đề ngày 27/03/2020 thể hiện Nguyễn Tuyết M vay của Trần Văn H số tiền 333.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 27/3/2020 đến 27/5/2020. Việc chốt bằng hợp đồng nêu trên để M có trách nhiệm trả tiền cho anh H, thực tế M không vay của anh H. Trong tổng số tiền 333.000.000 đồng thì tiền gốc anh H góp vốn với M là **295.000.000** đồng, M báo khống tiền lãi từ việc bán đất là 38.000.000 đồng. Tháng 4/2021, M trả được cho anh H số tiền 17.000.000 đồng.

Nguyễn Tuyết M đã có hành vi gian dối ngay từ đầu là nói dối anh H về việc M đi đặt cọc để đấu giá đất rồi bán lại là có lãi ngay. M rủ anh H góp vốn với M. Anh H tin lời M nói là thật nên đã giao cho M tổng số tiền là **295.000.000** đồng. Sau khi M nhận được tiền của anh H thì M chỉ tiêu cá nhân hết, không mua đất như đã hứa.

5. Hành vi đối với anh Nguyễn Đức H:

Anh Nguyễn Đức H có quan hệ quen biết với Nguyễn Tuyết M. Cuối tháng 02/2021, bản thân M biết chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1986, HKTT: Khu Hud, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đang muốn bán lô đất dãy

LK1 lô số 29 dự án Đức Việt ở Thuận Thành với tổng số tiền là 1.780.000.000 đồng. M muốn đặt cọc tiền lô đất trên rồi bán kênh giá lấy tiền lãi. Tuy nhiên, M không có tiền đặt cọc và để trả nợ nên M nói với anh H là M có môi mua được lô đất trên trực tiếp của chủ đầu tư với giá 1.780.000.000 đồng và muốn anh H góp $\frac{1}{4}$ số tiền vốn, tương ứng với số tiền là 445.000.000 đồng, anh H đồng ý. Từ ngày 26/2/2021 đến ngày 8/3/2021, anh H đã chuyển tiền từ tài khoản số 9990166661968 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) chi nhánh Bắc Ninh đến tài khoản số 25610000313331 mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Ninh cho M với số tiền 445.000.000 đồng cho M. Sau khi nhận được số tiền 445.000.000 đồng thì M đặt cọc 150.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1986 để mua đất dãy LK1 lô số 29 dự án Đức Việt với tổng số tiền là 1.780.000.000 đồng. Thời gian đặt cọc là 02 tuần. Mục đích đặt cọc là chỉ để có thời gian tìm khách bán ngay kiếm lãi. Xong M không có tiền để lấy nên đã chấp nhận bỏ mất số tiền cọc này. M không nói cho anh H biết sợ anh H đòi tiền và tiếp tục nói dối là lô đất này đã vào tên M rồi. Số tiền còn lại 295.000.000 đồng M vẫn giữ. Sau khoảng 10 ngày M báo với anh H là lô đất đã vào tên M. Để anh H tin tưởng M thì ngày 22/3/2021, M bảo anh H chuyển cho M 40.000.000 đồng để góp tiền đặt cọc lô đất ở Kim Chân còn cụ thể lô đất nào thì M không nói. Anh H nhờ cháu là Lê Thị Bích Nhân, sinh 1980, HKTT: thôn Vạn Ty, xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh chuyển 40.000.000 đồng từ khoản khoản số 0351001222954 mở tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh Bắc Ninh của mình vào tài khoản số 109800121282 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Ninh cho M. Ngày hôm sau, M báo lãi mỗi người được 12.500.000 đồng và M chuyển lại luôn cho anh H 50.000.000 đồng (còn thiếu 2.500.000 tiền lãi đến ngày 13/4/2021 M đã chuyển nốt số tiền này). Đến ngày 26/3/2021, M lại rủ anh H góp 180.000.000 đồng để chung với M đấu giá lô đất L3-11, Khu Tiên Xá, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh. Anh H đồng ý. Anh H chuyển khoản cho M số tiền 160.000.000 đồng và nhờ chị Nhân chuyển cho M 10.000.000 đồng, nhờ anh Nguyễn Quang Phúc, sinh năm 1989, HKTT: phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh chuyển 10.000.000 đồng. Sau khi M nhận đủ 180.000.000 đồng thì M lấy 121.700.000 đồng trong số tiền 445.000.000 đồng (đã nêu ở trên) để đặt cọc **301.700.000** đồng đấu giá lô đất L3-11 Khu Tiên Xá, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, nhưng đứng tên anh H. Lô đất này M đi đấu giá trúng với giá 3.440.000.000 đồng ($118,7m^2$). Sau khi đấu giá thì anh H và M không có tiền để nộp theo quy định nên UBND thành phố Bắc Ninh đã thu hồi lại. Lô đất này anh H chấp nhận mất **180.000.000** đồng tiền cọc. Còn 173.300.000 đồng từ 445.000.000

đồng (đã nêu trên) thì M sử dụng vào chi tiêu và trả nợ cá nhân hết (BL 629, 635, 637, 639, 730, 769). Để anh H không đòi tiền M, ngày 29/3/2021, M bảo anh H góp 35.000.000 đồng với M để M đặt cọc lô đất ở xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ. Anh H đồng ý. Anh H chuyển 35.000.000 đồng cho M. Ngày hôm sau, M báo lãi mỗi người được 12.500.000 đồng và M chuyển lại luôn cho anh H 40.000.000 đồng (*còn thiếu 7.500.000 tiền lãi đến ngày 02/4/2021 M đã chuyển lại trả đủ*). Tiếp đến ngày 31/3/2021, M nói dối anh H là đang có lô đất ở xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, đặt cọc bán sẽ có lãi ngay và muốn anh H góp với M 45.000.000 đồng. Anh H đồng ý. Số tiền này sau khi nhận được M chi tiêu cá nhân hết. Cũng với thủ đoạn nêu trên, ngày 13/4/2021, anh H góp với M 25.000.000 đồng để đặt cọc lô đất ở Đồng Mái, Hòa Long, thành phố Bắc Ninh còn cụ thể lô đất nào thì M không nói. Sau khi nhận được tiền thì M đã chiếm đoạt số tiền này để trả nợ cá nhân hết. Đến cuối tháng 4/2021, anh H hỏi M về lô đất ở dự án Đức Việt thì M khất nhiều lần không cho anh H xem giấy tờ. Anh H tìm hiểu thì biết M không mua đất như đã nói. Ngày 12/8/2021, M viết cho anh H “Giấy biên nhận” thể hiện M đã nhận 445.000.000 đồng của anh H để đầu tư mua lô đất ở dự án Đức Việt và 70.000.000 đồng đầu tư đất (BL501, 730A).

Ngày 29/12/2021, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tuyết M tại “Giấy biên nhận” đề ngày 12/8/2021 (BL 498)

Ngày 31/12/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh ra Bản kết luận giám định số:09/KLGĐTL-PC09 kết luận:Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Tuyết M trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Nguyễn Tuyết M trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký, viết ra (BL499).

Quá trình điều tra ông Nguyễn Bình Đông chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần tập đoàn Đức Việt cho biết Công ty là chủ đầu tư dự án khu nhà ở Đức Việt có địa chỉ tại thôn Tam Á, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và xác định ngày 17/12/2020, Công ty ký hợp đồng đặt cọc lô đất LK1- 29 của dự án nêu trên với anh Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1986 ở Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, ngày 12/01/2021 chuyển sang tên cho chị Dương Thị Hà, sinh năm 1980 ở xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, ngày 02/3/2021 chuyển cho chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1986, trú tại Ninh Xá 3, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và ngày 28/6/2021 chuyển cho anh Nguyễn Ngọc Hải ở thôn Thượng, Phù Khê, Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Công ty không ký hợp đồng đặt cọc lô đất nêu trên với Nguyễn Tuyết M.

Nguyễn Tuyết M đã có hành vi gian dối ngay từ đầu đối với anh H về việc M trực tiếp mua đất của chủ đầu tư dự án Đức Việt. M rủ anh H góp vốn với M. Anh H tin lời M nói là thật nên đã giao cho M tổng số tiền là **445.000.000** đồng. Sau khi M nhận được tiền của anh H thì M tự ý đặt cọc 150.000.000 đồng cho chị Nhiên, số tiền còn lại 295.000.000 M chiếm đoạt của anh H.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Tuyết M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Về trách nhiệm dân sự cho đến nay Nguyễn Tuyết M chưa bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại nêu trên.

Với nội dung trên, bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 14/3/2022 của VKSND tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Nguyễn Tuyết M về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội, sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, phân tích vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án, đã đề nghị giữ nguyên tội danh truy tố với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuyết M phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341 điểm n, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuyết M 20 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 3 đến 4 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 23 đến 24 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại chị Nguyễn Thị Kim Ng số tiền 4.558.000.000 đồng ; chị Lương Thị Lan A số tiền 4.376.300.000 đồng ; anh Nguyễn Đức H số tiền 515.000.000 đồng, anh Trần Văn H số tiền 295.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị L số tiền 223.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuyết M trình bày:

- Về tội danh đồng ý với cáo trạng của VKSND tỉnh Bắc Ninh đã truy tố đối với bị cáo M về tội : *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội: *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

- Sau khi bị cáo bị khởi tố bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng cách hoàn trả cho người bị hại là chị Lan A được 75.000.000đ và chị L được 12.000.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Do bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 1 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo ở mức dưới khung hình phạt.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa bị cáo chỉ nhận của chị Ng và chị Lan A thực tế mỗi người hơn hai tỷ đồng, còn cụ thể bao nhiêu thì bị cáo M không nhớ rõ, số tiền còn lại của chị Ng và chị Lan A là tiền do Ngân báo lãi ảo rồi chốt nợ với chị Ng và chị Lan A.

Bị cáo M, không có ý kiến gì bổ sung và nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận không nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo M về tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b Khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự và giữ nguyên điều luật và mức hình phạt đã đề xuất áp dụng đối với bị cáo M.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Ninh và Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo M đã khai nhận: Để có tiền chi tiêu và trả nợ cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2018 đến tháng 8/2021 M đã thực hiện hành vi gian dối đối với những người thân, quen, bằng thủ đoạn đưa ra thông tin với các bị hại về việc bản thân có khả năng mua được nhiều lô đất có giá rẻ tại các xã, phường, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Bắc Giang rồi bán lại sẽ có lãi suất cao. Để các bị hại tin tưởng, không đòi tiền M đã đặt làm giả 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho chị Nguyễn Thị Kim Ng và 02 phiếu thu giả của Công ty Anh Phú giao cho chị Lương Thị Lan A và chị Nguyễn Thị Hồng Nh. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã chứng M làm rõ tổng số tiền M chiếm đoạt của các bị hại là: 10.054.300.000 đồng. Trong đó chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Kim Ng, số tiền 4.558.000.000 đồng, chị Lương Thị Lan A, số tiền 4.451.300.000 đồng, anh Nguyễn Đức H, số tiền là 515.000.000 đồng, anh Trần Văn H số tiền 295.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị L số tiền 235.000.000 đồng. Như vậy, xác định tổng số tiền M chiếm đoạt của các bị hại là: **10.054.300.000 đồng** (*Mười tỷ không trăm năm mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng*) như cáo trạng truy tố.

Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Tuyết M đã phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3, Điều 341 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật, không có việc đi mua bán đất, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có việc mua nhà chung cư, bị cáo đã thuê người làm đúng những con dấu, tài liệu giả mà bị cáo cung cấp sau đó nhận lại các giấy tờ giả đưa cho các bị hại mục đích để chiếm đoạt tiền, các lần nhận tiền của các bị hại còn thể hiện qua việc chuyển khoản “tiền” mà bị cáo nhận của các bị hại, quá trình điều tra đã chứng M làm rõ hành vi của bị cáo, bị cáo cho rằng số tiền chiếm đoạt của các bị hại không như vậy, xong bị cáo không có bất cứ tài liệu, giấy tờ gì chứng M, mặt khác giữa bị cáo và các bị hại đã chốt số tiền nợ với nhau. Hành vi bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, mong muốn làm giàu nhanh chóng trong việc buôn bán bất động sản, bị cáo là người không có vốn để kinh doanh đã lợi dụng sự tin tưởng các bị hại chuyển tiền để chi tiêu cá nhân và trả nợ hết. Chính vì vậy cần phải đưa

ra xử lý nghiêm M trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

[3.1]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo HĐXX thấy: Trong vụ án này bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để thực hiện nhiều hành vi phạm tội và đối với nhiều bị hại nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra truy tố xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội là phụ nữ có thai, mặt khác tại phiên tòa hôm nay người bị hại là anh Nguyễn Đức H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chính vì vậy cần áp dụng điểm n, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3.2]. Về hình phạt bổ sung : Đối với M xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định mặt khác hiện bị cáo đang nuôi con, do vậy nên miễn hình phạt bổ sung cho M theo Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo M và đại diện Viện kiểm sát đều cho rằng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ là phụ nữ có thai, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải và tại phiên tòa hôm nay người bị hại là anh H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm n, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M. Xét đề nghị này của người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, do đó đề nghị của người bào chữa và của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo M là phù hợp nên cần được chấp nhận. Ngoài ra người bào chữa cho bị cáo M cho rằng sau khi phạm tội và bị khởi tố thì bị cáo M đã bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, do vậy nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo dưới khung hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy tuy rằng sau khi bị cáo bị khởi tố cho đến trước ngày xét xử bị cáo đã bồi thường được cho chị Lan A và chị L tổng số tiền là 87.000.000đ (Trong đó của chị Lan A là 75.000.000đ và chị L là 12.000.000đ), tuy nhiên so với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các người bị hại thì số tiền mà bị cáo khắc phục hậu quả là không lớn, do vậy lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo M áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật

hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử bị cáo dưới khung hình phạt là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay chị Lan A xác nhận sau khi M bị khởi tố M đã trả cho chị được số tiền 75.000.000đ nên nay chị Lan A chỉ yêu cầu M phải trả cho chị số tiền là 4.376.300.000 đồng, còn chị L cũng xác định M đã trả cho chị được 12.000.000đ nên nay chị L chỉ yêu cầu M phải trả cho chị số tiền là 223.000.000đồng, tại phiên tòa bị cáo M cũng xác nhận lời khai của chị Lan A và chị L về việc M đã thanh toán cho chị Lan A số tiền là 75.000.000đ và chị L số tiền là 12.000.000đ là đúng do vậy cần khấu trừ số tiền trên vào tổng số tiền mà M đã chiếm đoạt của chị Lan A và chị L là phù hợp.

Do đó cần buộc bị cáo M có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Kim Ng số tiền 4.558.000.000 đồng; chị Lương Thị Lan A, số tiền 4.376.300.000 đồng; anh Nguyễn Đức H, số tiền là 515.000.000 đồng; anh Trần Văn H số tiền 295.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị L số tiền 223.000.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 02 phiếu thu giả xác định đây là vật chứng của vụ án và đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án do vậy cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Những vấn đề khác:

- Đối với số tiền mà chị Lương Thị Lan A nhận từ chị Nguyễn Thị Hồng Nh là 800.000.000đ để chị Lan A giao cho M góp vốn trong tổng số tiền mà M chiếm đoạt của chị Lan A là 4.376.300.000 đồng thì chị Lan A phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị Hồng Nhung, nếu chị Lan A không thanh toán cho chị Nh thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi chị Nguyễn Thị Hồng Nh có đơn yêu cầu.

- Đối với số tiền mà chị Nguyễn Thị Nh nhận tiền đặt cọc của M là 150.000.000đ đây là số tiền mà M chiếm đoạt từ anh H, nhưng tại phiên tòa hôm nay M cũng đã xác định giữa M và chị Nhiên đã thỏa thuận trong thời hạn từ 15 đến 20 ngày nếu M tự bỏ cọc thì sẽ bị mất số tiền trên với chị Nhiên, do vậy xác định đây là thỏa thuận Dân sự giữa chị Nhiên và M, do M tự ý bỏ cọc nên chị M được hưởng số tiền trên nên không cần buộc chị Nhiên phải nộp lại số tiền trên là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn M Thông là chủ tài khoản mà M chuyển tiền trả phí làm giả 05 sổ đỏ và 02 phiếu thu, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh xác định:

Thông không sử dụng số tài khoản mà là đối tượng tên Khánh sử dụng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Thông, đồng thời chưa xác định được đối tượng tên Khánh nên Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra xác M khi nào có căn cứ đề nghị xử lý sau.

- Đối với anh Nguyễn Huy Hà, sinh năm 1984, HKTT: Khu Khả Lễ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, quá trình điều tra có đơn tố giác Nguyễn Tuyết M có hành lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 360.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh tiến hành điều tra, xác định như sau năm 2016 anh có quen biết với Nguyễn Tuyết M. Khoảng tháng 11/2019, M hỏi vay tiền anh Hà. Anh Hà đồng ý cho M vay 02 lần tiền, lần 1 là 240.000.000 đồng, lần 2 là 120.000.000 đồng. Thời gian vay là 02 tuần. Anh Hà nhiều lần đòi tiền M nhưng M không trả. Ngày 15/7/2020, M viết giấy vay tiền với nội dung: M vay anh Hà 360.000.000 đồng hẹn đến ngày 30/8/2020 sẽ hoàn trả số tiền đã vay cho anh Hà. Tuy nhiên đến nay M không có tiền để trả cho anh Hà. Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan CSĐT (PC02) Công an tỉnh Bắc Ninh xác định việc M vay tiền của anh Hà là quan hệ dân sự không có dấu hiệu của tội phạm hình sự. Vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này và đã hướng dẫn anh Hà khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuyết M phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm a khoản 3, Điều 341; điểm n, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuyết M 19 (*Mười chín*) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (*Ba*) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo M phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 22 (*Hai mươi hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Tuyết M phải bồi thường cho:Chị Nguyễn Thị Kim Ng số tiền 4.558.000.000 đồng; chị Lương Thị Lan A, số tiền 4.376.300.000 đồng;

anh Nguyễn Đức H, số tiền 515.000.000 đồng; anh Trần Văn H số tiền 295.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị L số tiền 223.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Lưu hồ sơ vụ án đối với 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và 02 phiếu thu giả

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 117.967.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; những người TGTG khác;
- Lưu HS; Tòa HS;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Nam